

**UY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH THÀNH**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI
09 THÁNG NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND, ngày...../9/2025 của UBND xã Bình Thành)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Thực hiện	So với KH giao
I	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng diện tích lương thực có hạt/năm	ha	926	422	45,57
-	Lúa	ha	892	889	99,66
-	Ngô	ha	34	37	108,82
1	Sản lượng lương thực có hạt/năm	Tấn	4.956	2315	46,71
-	Sản lượng thóc	Tấn	4.809	2.228	46,33
-	Sản lượng ngô	Tấn	147	87	59,18
2	Giá trị sản phẩm/1 ha diện tích đất trồng trọt	Triệu đồng	100		0,00
3	Diện tích trồng rừng	ha	77,29	50,02	64,72
4	Diện tích trồng chè mới và trồng thay thế	Ha	24	7	29,17
5	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	7.700	6.314	82,00
6	Tổng đàn gia súc, gia cầm				
-	Tổng đàn trâu	Con	500	222	44,40
-	Tổng đàn bò	Con	345	168	48,70
-	Tổng đàn lợn	Con	3.650	3.572	97,86
-	Đàn gia cầm	Con	76.600	58.310	76,12
7	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	1.260	921	73,10
8	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	80	80	100,00
9	Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	160	129	80,63
10	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Triệu đồng	7.113	8.493,77	119,41
11	Giá trị Sản xuất CN-TTCN (Giá hiện hành)	Tỷ đồng	14,6	11,2	76,71
II	Các chỉ tiêu xã hội				
1	Giải quyết việc làm mới	Người	220	185	84,09
2	Giảm tỉ lệ nghèo đa chiều				
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,02		0,00
-	Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo	%	0,42		0,00
3	Tiêu chí về y tế				
-	Giảm tỷ suất sinh thô	‰	0,2	1,44	720,00
-	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	0,5	0,5	100,00
4	Tiêu chí về văn hóa				
-	Tỷ lệ Gia đình Văn hóa	%	90		0,00
-	Tỷ lệ xóm Văn hóa	%	90		0,00
-	Tỷ lệ Cơ quan văn hóa	%	95		0,00
5	Giáo dục và đào tạo				

-	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đến trường	%	100	100	100,00
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	76,25	76,68	100,56
-	Duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	100	100,00
6	Đạt chuẩn Chương trình xây dựng Nông thôn mới	Tiêu chí	Duy trì	Duy trì	Đạt
IV	Các chỉ tiêu về môi trường				
1	Duy trì độ che phủ rừng	%	49	49	100,00
2	Tỷ lệ người dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	95,7	95,7	100,00
3	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	85,65	85,65	100,00

